UBND TỈNH SƠN LA **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2074** /STC-QLNS V/v hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	*Sơn La, ngày 08 tháng 6 năm 2020*

Kính gửi:
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Các đơn vị dự toán cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Năm 2021, là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020[1], năm đầu thực hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm địa phương 2021-2025. Công tác xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và Chỉ thị của UBND tỉnh, đảm bảo bám sát, đúng với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và kết quả thực hiện dự toán NSNN.

Để đảm bảo tiến độ lập phương án dự toán NSNN năm 2021 theo quy định của Luật NSNN, Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2020 và định hướng một số nội dung về xây dựng dự toán NSNN năm 2021, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2017-2020

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện thu NSNN giai đoạn 2017-2019, ước thực hiện năm 2020 so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Rà soát, đánh giá cụ thể những tác động của dịch bệnh Covid-19 đến thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020; nhất là những lĩnh vực thu chủ yếu, các khoản thu không ổn định; kết quả triển khai thực hiện các giải pháp trong điều hành thu ngân sách, trọng tâm là giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, thành phần kinh tế làm cơ sở xây dựng kế hoạch dự toán thu NSNN năm 2021.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện giải pháp về thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ; tình hình triển khai thực hiện các

[1] Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước.

Luật thuế, chính sách thuế mới[2]; các chính sách về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước theo nghị quyết số 94/2019/NQ-QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội,Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ Tài chính và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu năm 2020.

1.3. Đánh giá công tác quản lý và thu nợ thuế năm 2020[3]. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số nợ thuế, trong đó phân tích kỹ các khoản nợ không có khả năng thu, nợ có khả năng thu đến 30/6/2020 để có giải pháp cụ thể thu nợ thuế những tháng còn lại của năm 2020, phấn đấu số nợ thuế năm 2020 thấp hơn số nợ thuế năm 2019 và không quá 5% số thu trên địa bàn theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ.

1.4. Kết quả thực hiện quy chế phối hợp trong thực hiện thu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn theo Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND,...kết quả thực hiện thu nộp NSNN theo kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra. Đánh giá tình hình kê khai, số hoàn thuế GTGT, số dự kiến hoàn cho doanh nghiệp trong năm, kết quả công tác kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế và xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định.

1.5. Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2020;

- Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách. Ngoài ra, đối với cơ quan, quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư dự kiến đến hết năm 2020 (nếu có).

- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2020.

1.6. Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

---

[2] Bao gồm giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và Luật Quản lý thuế theo Luật số 106/2016/QH13; sửa đổi, bổ sung biểu mức thuế suất thuế tài nguyên theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13; sửa đổi giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu và hàng hóa chịu thuế TTĐB sản xuất trong nước theo Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính; hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính.

[3] Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2019, dự kiến số nợ thuế phát sinh trong năm 2020, số nợ thuế thu được năm 2020, số nợ thuế được xóa theo quy định, dự kiến số dư nợ thuế đến ngày 31/12/2020.

1.7. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai theo quy định của pháp luật đất đai, thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

1.8. Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách về phân cấp quản lý thu ngân sách qua việc triển khai thực hiện *(nếu có)*.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước 2020

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ĐTPT

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2020: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2020 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

- Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSNN: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II năm 2020, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/2020, tỷ lệ giải ngân so với dự toán[4]; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị. Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện các dự án đầu tư; báo cáo chi tiết các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách, các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015): số đến ngày 31/12/2019; ước số xử lý trong năm 2020; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31/12/2020 năm 2019 (chi tiết từng dự án); trong đó nêu rõ nợ đọng trong kế hoạch đầu tư nhưng chưa cân đối được vốn, nợ đọng do điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư nhưng chưa bố trí được vốn; khối lượng đã thực hiện ngoài kế hoạch vốn trong năm.

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương.

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

---

[4] Có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2019, kế hoạch vốn - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2020, kèm theo thuyết minh

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2020 và dự kiến đến hết năm 2020; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển

- Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước năm 2020 (tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay; cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

- Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân; dư nợ cho vay đầu năm, số phát sinh vay và trả nợ trong năm, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số kinh phí cấp bù lãi suất còn thiếu đầu năm, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn thiếu cuối năm 2020.

2.3. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa: Tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

2.4. Các sở, ngành, huyện, thành phố đánh giá riêng về việc thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn ngoài cân đối NSNN (các nội dung đánh giá tương tự các nhiệm vụ chi đầu tư nguồn cân đối NSNN). Riêng nguồn phí để lại cho các cơ quan quản lý nhà nước chi đầu tư theo quy định, đề nghị báo cáo cụ thể tình hình phê duyệt, triển khai các dự án; số đã hoàn thành, quyết toán; số đang triển khai; số đã phê duyệt nhưng chưa triển khai (chi tiết từng chương trình, dự án; cấp phê duyệt; thời gian khởi công kết thúc; tổng mức kinh phí; tình hình triển khai).

2.5. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT 3 năm 2018-2020

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2020, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai 03 năm 2018 - 2020 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020; trong đó:

- Lũy kế số chi ĐTPT thực hiện giai đoạn 2018-2020 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2016-2020, trong đó chi tiết nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu, cụ

thể từ nguồn TPCP, nguồn vốn ngoài nước *(bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại)*, vốn trong nước *(nếu có)*.

- Số dự án có nợ XDCB đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, tình hình bố trí vốn các năm 2018-2020 để xử lý nợ XDCB, dự kiến bố trí trong giai đoạn 2021-2025. Số dự án đã được thực hiện còn nợ XDCB nhưng chưa báo cáo tổng hợp trong kế hoạch trung hạn, số phát sinh *(nếu có)*, đề xuất biện pháp xử lý nợ XDCB các dự án trên.

- Lũy kế việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2018-2020 so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được cấp thẩm quyền giao, chi tiết từng chương trình, chính sách hỗ trợ; khó khăn, kiến nghị *(nếu có)*.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa năm 2018-2020 so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được giao *(chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục)*.

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và giai đoạn 2017-2020

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 theo từng lĩnh vực chi được giao.

- Kết quả việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các đơn vị, địa phương, nhưng đến ngày 30/6/2020 chưa phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

- Kết quả thực hiện tiết kiệm chi thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng còn lại năm 2020 đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch Covid-19 theo Quyết định số số 886/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh. Kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ và kinh phí chi trả cho các người dân hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

+ Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và tổng hợp lũy kế tình hình

thực hiện đến hết năm 2020 chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII, Nghị quyết số 39- NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết: (1) Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy từng năm; (2) Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm; (3) Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

+ Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII,Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/ 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2020 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm[5].

+ Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm *(số kinh phí dành ra và việc sử dụng)*. Riêng về việc giảm chi hỗ trợ từ NSNN đối với khối các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ, đề nghị đánh giá số giảm đối với từng sự nghiệp *(sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...)* và việc sử dụng số kinh phí dành ra, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

+ Trong lĩnh vực y tế, đánh giá kết quả thực hiện giảm cấp chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ y tế và việc sử dụng số kinh phí dành ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2017/TT-BTC, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm và giai đoạn 2021-2025.

---

[5] báo cáo số lượng, tỷ lệ đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ từng năm; số lượng và tỷ lệ biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ từng năm; số lượng giảm và tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách từng năm của từng lĩnh vực

3. Đánh giá tình hình thực hiện các CTMTQG, CTMT

3.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi CTMTQG, CTMT năm 2020; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện và đề xuất, kiến nghị *(nếu có)*. Đối với CTMTQG Giảm nghèo bền vững, đánh giá cụ thể tình hình triển khai đối với huyện mới được bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Đánh giá tình hình lũy kế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến năm 2020 so với kế hoạch trung hạn được giao giai đoạn 2016 - 2020 *(nếu có)* và so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2016 - 2020 *(trường hợp chưa/không được giao kế hoạch trung hạn)*, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

3.2. Các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2020 các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài, chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đánh giá lũy kế việc thực hiện đến năm 2020 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được giao *(nếu có)*, hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

4. Về biên chế và quỹ lương

4.1. Báo cáo về biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định[6].

4.2. Đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp tài chính và kết quả tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên *(không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương)*; từ 35-40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định *(nguồn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020)*; từ nguồn 50% tăng thu ngân sách *(không kể tiền sử dụng đất);...* và xác định các nguồn năm trước theo quy định chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2020 *(nếu có)* để tiếp tục tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương; nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn dành ra gắn với việc thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

4.3. Năm 2020, trước mắt chưa triển khai điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và lương hưu từ ngày 01/7/2020[7], để tập trung ngân sách hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó

---

[6] Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

[7] Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước.

khăn do Covid-19 và phục hồi, phát triển nền kinh tế. Các cơ quan, đơn vị vẫn thực hiện nghiêm các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện điều chỉnh đề án tiền lương trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

5. Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội

5.1. Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật;

5.2. Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo, y tế: hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC; Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo...

5.3. Chính sách đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn; Chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; Kinh phí sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/NĐ-CP của Chính phủ; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền nùi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016; đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025...theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ...

5.4. Kinh phí phòng chống dịch bệnh Covid-19 và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, khắc phục phòng chống thiên tai...

5.5. Tình hình sử dụng dự phòng đối với ngân sách cấp huyện, xã. Báo cáo việc bố trí ngân sách *(bao gồm cả số ngân sách tỉnh hỗ trợ)* và sử dụng dự phòng để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ...

6. Đánh giá kết quả thực hiện quản lý điều hành ngân sách địa phương

Kết quả thực hiện dự toán ngân sách đã được giao theo từng lĩnh vực: Sự nghiệp kinh tế, Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hoá, Quản lý hành chính, chi ngân sách xã, an ninh - quốc phòng và đối ngoại... Mức độ hoàn thành dự toán, nguyên nhân tăng giảm so với dự toán. Công tác quyết toán NSĐP năm 2019; kết quả thực hiện các Kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán: Kết quả thực hiện; Các nội dung chưa thực hiện *(Nguyên nhân, lý do, trách nhiệm);* Kiến nghị, đề xuất, giải pháp...

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 03 NĂM 2021-2023

1. Yêu cầu, nhiệm vụ

Năm 2021, là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, năm đầu thực hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2021-2025. Nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2021 phải tuân thủ theo đúng quy định của Luật NSNN, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo sát với kết quả thực hiện năm 2020 của địa phương và dự báo năm 2021.

- Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, được xây dựng theo đúng quy định của .Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến 31/12/2020; mục tiêu, nhiệm vụ phải thống nhất với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch Tài chính 05 năm địa phương 2021-2025, Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2021-2023, các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và văn bản chỉ đạo có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

- Các sở, ngành và các huyện, thành phố trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2021 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 26/2016/QH14, Nghị quyết số 71/2018/QH14, các cơ chế, chính sách phát triển của địa phương theo quy định; tiếp tục triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2021 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tiếp tục tực hiện có hiệu quả mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, dự toán theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, dần tăng tỷ trọng chi đầu tư, bố trí đủ nguồn kinh phí chi trả nợ chính quyền địa phương; các khoản chi cho con người, chi an sinh xã hội, chi thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình trọng điểm và chi cho quốc phòng, an ninh; kiểm soát bội chi, nợ chính quyền địa phương theo mục tiêu đề ra.

- Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2021 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

- Các sở, ngành và các huyện, thành phố khi xây dựng dự toán phải rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyên bãi bỏ, hoặc lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lắp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

- Năm 2021, là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, theo Luật NSNN năm 2015 các đơn vị, các cấp ngân sách chủ động rà soát xây dựng phương án dự toán gửi Sở Tài chính rà soát, tổng hợp; Sở Tài chính chỉ tổ chức làm việc dự toán ngân sách đối với các đơn vị, các huyện, thành phố có văn bản đề nghị.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2020

2.1. Xây dựng dự toán dự toán thu ngân sách

- Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2020; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các dự án hết thời gian ưu đãi và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn xây dựng phải bám sát mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội Đảng các cấp quyết nghị, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2021; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

- Dự toán thu nội địa *(không kể các khoản thu có tính chất ổn định như thu từ thủy điện thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, cổ tức và lợi nhuận sau thuế)* năm 2021 bình quân chung cả tỉnh tăng tối thiểu 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh và của từng huyện, thành phố.

- Cục thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán thu nội địa năm 2021, ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN. Trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2020, lũy kế thực hiện 2016-2020; dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu năm 2021 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2021 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2021.

- Tổng hợp và phân cấp đúng quy định đối với khoản thu thuế bảo vệ môi trường của mặt hàng xăng, dầu; tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (bao gồm cả số phát sinh từ giấy phép do Trung ương cấp và giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

- Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực tế thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 và dự báo đánh giá nhu cầu của thị trường 6 tháng cuối năm 2020 và trong năm 2021.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các Sở, ngành và các huyện, thành phố ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2020, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2021 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu,

số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định). Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt (nếu có), theo phân kỳ năm 2021 và tiến độ triển khai thực tế)[8].

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các sở, ngành, huyện, thành phố, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các sở, ngành, huyện, thành phố tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí, lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ, không thuộc nguồn thu NSNN, không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định.

- Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã ký kết; tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2020 và dự kiến đến hết năm 2020; các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán thu viện trợ năm 2021 của đơn vị mình phù hợp với các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết và sát thực tiễn.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng và số tiền thuế truy thu, truy hoàn, tiền thuế nợ dự kiến thu hồi cho NSNN.

- Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra Chính phủ.

- Dự kiến số hoàn trả các khoản thuế (ngoại trừ dự toán số hoàn thuế GTGT theo quy định), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa phải sử dụng dự toán

[8] Chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

chi NSNN năm kế hoạch theo các quy định của pháp luật về thuế, cũng như các chính sách ưu đãi hiện hành (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;...).

2.2. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Chi đầu tư phát triển

- Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN *(bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn TPCP, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất)* đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Vốn đầu tư XDCB bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, tăng cường hiệu quả đầu tư của ngân sách nhà nước. Các huyện khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển phải gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước phải được thực hiện đúng quy định của Luật đầu tư công và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng bám sát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030; đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, trong đó chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Trung ương và của tỉnh và đảm bảo trong phạm vi tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao/phê duyệt.

+ Khi xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN, các huyện cần chi tiết theo từng lĩnh vực và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; xử lý nợ đọng xây

dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) phần còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới nếu có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Năm 2021 là năm đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, do đó bố trí đủ kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2021 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, nguồn vốn cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2021; ưu tiên bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển giữa các vùng; các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; không bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân năm 2021.

- Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công *(trong đó có nhà, đất)* và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng *(nếu có)* và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước *(sau khi trừ chi phí liên quan)* phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư phát triển ở các lĩnh vực xã hội, đặc biệt trong ngành giáo dục, y tế, văn hoá để huy động thêm nguồn lực xã hội đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

b. Chi thường xuyên

- Dự toán chi thường xuyên xây dựng theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 và kéo dài sang năm 2021.

+ Rà soát đầy đủ các chủ trương, chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán đầy đủ, chính xác và thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán.

+ Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương, tránh tình trạng bỏ sót nhiệm vụ chi dẫn đến bổ sung dự toán nhiều lần trong năm làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ngân sách và đơn vị bị động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị giao.

+ Khắc phục những tồn tại như xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối nguồn thu, thiếu nhiệm vụ chi, trùng lắp về đối tượng, nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng dự toán chung của tỉnh.

- Dự toán chi thường xuyên phải bảo đảm triệt để tiết kiệm; dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết kiệm tối đa kinh phí sử dụng từ ngân sách để tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết...; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; thực hiện khoán xe ô tô công.

- Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2021; xác định mức kinh phí dành ra gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2021theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2017 - 2020; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2021; xác định mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2021 theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

c. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, số kiểm tra năm 2021, khả năng thực hiện và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, các cơ quan được giao là chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu thực hiện theo hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương về lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

- Các Sở, ngành và các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP, nguồn vốn ngoài nước (nếu có), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan chủ chương trình tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo các Bộ, Ngành Trung ương theo quy định.

d. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ: Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng

không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương.

e. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2021

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu *(giao thông, thuỷ lợi)* để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục; chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,...

- Chi sự nghiệp y tế: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm;...

- Chi quản lý hành chính, thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2021[9]

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.600.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.600.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù *(cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi,...)* năm 2021 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán

[9] Bao gồm: số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2020 - số biên chế tinh giản trong năm 2020 + số bổ sung trong năm 2020 nếu có, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

ngân sách năm 2021 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2021.

- Bố trí nguồn ngân sách thực hiện CCTL: Năm 2021, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn CCTL để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định và đề án tiền lương theo theo tinh thần Nghị quyết số 27- NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), gồm:

+ Nguồn cải cách tiền lương các năm trước còn dư chuyển sang năm 2021 (nếu có).

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu được để lại theo quy định *(riêng đối với đơn vị sự nghiệp y tế trích tối thiểu 35% sau khi trừ thuốc, máu, dịch truyền....).*

+ 70% số tăng thu ngân sách năm 2019 chuyển sang năm 2020; 50% tăng thu ngân sách năm 2020 so với dự toán HĐND tỉnh giao *(trừ tiền sử dụng đất, các khoản thu đã cân đối cho chi đầu tư theo chế độ).*

- Dự phòng ngân sách: bố trí dự phòng ngân sách các cấp theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 *(tối thiểu 2%)* và không thấp hơn chỉ tiêu dự phòng cấp trên giao, chỉ tiêu tăng dự phòng do tăng thu, chi ngân sách do HĐND các cấp quyết nghị, để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán, các nhiệm vụ chi khác nhưng chưa được dự toán.

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2020 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định của Chính phủ, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các nhiệm vụ chi tại ngân sách cấp huyện, nhưng chưa được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ *(đã có văn bản của cấp có thẩm quyền),* các huyện, thành phố rà soát kỹ, xác định nhu cầu theo từng nội dung *(kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan),* tổng hợp trong phương án dự toán chi năm 2021 gửi Sở Tài chính. Quá trình thực hiện dự toán năm 2021 các khoản chi do nguyên nhân chủ quan chưa được tổng hợp trong dự toán các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí theo quy định.

- Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2020, các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố (nếu có đăng ký) triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự

toán ngân sách năm 2021 của cơ quan, đơn vị và địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách UBND tỉnh phủ giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31/12/2020 theo quy định của Luật NSNN.

3. Xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm giai đoạn 2021-2023

Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2021, căn cứ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 15 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, lập kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm giai đoạn 2021-2023 thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

- Về trần chi tiêu giai đoạn 2021-2023: đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC xác định chính xác và đầy đủ chi tiêu cơ sở và chi tiêu mới cho giai đoạn 2021-2023.

- Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2021-2023 tăng, giảm mạnh so với dự toán và ước thực hiện năm 2020, đề nghị các đơn vị có thuyết minh, giải trình cụ thể nguyên nhân tăng giảm, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện.

III. BIỂU MẪU, THỜI GIAN BÁO CÁO VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về biểu mẫu báo cáo: các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố cung cấp số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. trong đó:

1.1. Theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính

- Lập dự toán thu ngân sách nhà nước: Dùng cho cơ quan thuế, hải quan các cấp báo cáo cơ quan thuế, hải quan cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp: Mẫu biểu số 01; 02; 03; 04.

- Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước: Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, kế hoạch cùng cấp: Mẫu biểu số 05; 06; 07; 08; 09; 11.1; 12.1 đến 12.5; 13.1 đến 13.10; 13.12; 14; 15.1; 15.2; 17; 18.

- Lập dự toán chi đầu tư phát triển: Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp: Mẫu biểu số 23; 24; 25; 26; 27.

1.2. Theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ

- Lập dự toán ngân sách nhà nước: Dùng cho UBND các huyện, thành phố: Mẫu biểu số 15 đến 18.

1.3. Theo quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính

- Lập dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm: Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp: Mẫu biểu số 13 đến 22.

1.4. Đối với các nội dung không có biểu mẫu kèm theo hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tính chất và đặc thù của từng lĩnh vực để thuyết minh cơ sở tính toán cho phù hợp,

2. Thời gian

2.1. Các Sở, Ban, Ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh

- Đơn vị dự toán cấp I *(đơn vị có quan hệ trực tiếp với ngân sách nhà nước)* hướng dẫn, đôn đốc đơn vị dự toán cấp II, III trực thuộc thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại văn bản này và quy định thời gian gửi báo cáo đảm bảo thời gian để đơn vị dự toán cấp I xem xét, kiểm tra, tổng hợp gửi Sở Tài chính.

- Đơn vị dự toán cấp I *(đơn vị có quan hệ trực tiếp với ngân sách nhà nước)* gửi báo cáo về Sở Tài chính **trước ngày 25/6/2020.**

2.2. UBND các huyện, thành phố: tổng hợp xây dựng dự toán thu - chi ngân sách năm 2021 trình Thường trực HĐND các huyện, thành phố phê duyệt và gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 5/7/2020**.

3. Sau khi có Chỉ thị của Thủ tướng Chính Phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, trường hợp có nội dung hướng dẫn khác so với nội dung tại văn bản này, Sở Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn bổ sung.

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính *(Phòng Quản lý ngân sách)* để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND Tỉnh;
- UBND Tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Phòng TC-KH các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Webside Sở Tài chính;
- Lưu: VT, T.Tra, QLNS, Th 02 bản.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH SƠN LA

Lê Hồng Chương